

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27- 4 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Đàm Công Du.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phùng Huy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 517/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, ĐKKHTT: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải phòng, hiện trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng Q, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng Q xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q Hưng, huyện A. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng với gia đình anh Q tại thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách lối sống vợ chồng không phù hợp nhau. Anh Q chơi bời không quan tâm gia đình, vợ chồng nhiều lần cãi vã nhau, chị đã khuyên can, khắc phục mâu thuẫn nhưng anh Q không thay đổi cách sống. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không giải quyết được đến tháng 6 năm 2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn X, xã Đ, huyện T và sống ly thân với anh Q từ đó đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Chị xét tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đăng Q.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đăng Q có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh Q không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đăng Q đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn, nuôi con nên anh Q không có lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Đăng Q đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Đăng Q không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn, anh Q không đến tham gia tố tụng tại phiên phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đăng Q; về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi con Nguyễn Ngọc Bảo T cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về Tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Đăng Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Đăng Q.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đăng Q xây dựng hạnh phúc với nhau có đăng ký kết hôn được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau, anh Q không tu chí gia đình, chơi bời cờ bạc dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau mất tình cảm, mặc dù đã được gia đình khuyên can nhưng không có kết quả. Đến tháng 6 năm 2017 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Xuân Cát, xã Đại Thắng, huyện An Tiên Lãng và sống ly thân với anh Q từ đó đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau.

[4] Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu xác minh tại địa pH, gia đình và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Hiện anh Q đang nuôi con chung, qua xác minh điều tra thấy anh Q hiện nay không có việc làm ổn định, thường xuyên vắng nhà, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T do bố mẹ anh Q chăm sóc. Do vậy chị H đề nghị được nuôi con là chính đáng vì chị H hiện có việc làm, có thu nhập và chị đang ở cùng với bố mẹ chị có nơi ở đảm bảo việc nuôi con. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014 giao con Nguyễn Ngọc Bảo T cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đăng Q.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Đăng Q.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002735 ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Đăng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã Q Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn